



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SÓC SƠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Kỳ hoạt động đầu tiên từ ngày 6/6/2016 - 31/12/2016

kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**CHI NHÁNH MIỀN BẮC - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC**

HÀ NỘI, THÁNG 3/2017

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12 - 13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 36



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Cho kỳ hoạt động đầu tiên từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/12/2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn tiền thân là Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn thuộc Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 06/06/2016.

Tên tiếng Anh: SOC SON URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: URENCO SOC SON

Địa chỉ: số 47, tổ 8, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 885 1063/ 885 1184 Fax: (04) 3 885 2517

Vốn điều lệ của Công ty: **25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).**

### **Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Thu gom rác thải;
- Vệ sinh chung nhà cửa, các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác, theo quy định của Pháp luật.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức danh</b>
Ông Nguyễn Văn Chính	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Việt Hòa	Ủy viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên HĐQT
Bà Nguyễn Vân Nhung	Ủy viên HĐQT
Ông Vũ Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT



**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức danh</b>
Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Quýnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Minh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Vân Nhung	Kế toán trưởng

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:**

<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức danh</b>
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng BKS
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên BKS
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên BKS

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động đầu tiên từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn được kiểm toán bởi Chi nhánh miền Bắc - Công ty TNHH Kiểm toán ASC. Đơn vị bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty trong các kỳ báo cáo sau.

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Lợi nhuận trước thuế cho kỳ cho hoạt động từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/12/2016 là **Lãi: 623.952.400 VND.**

### **SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHOÁ SỔ**

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, tính đến thời điểm lập Báo cáo này, ngoài sự kiện nêu trên không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày khoá sổ nào khác xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/12/2016.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cho kỳ hoạt động từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/12/2016. Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;



- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/12/2016 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông Tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017*

*Thay mặt và Đại diện*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SÓC SƠN**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**NGUYỄN VĂN CHÍNH**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính Cho kỳ hoạt động đầu tiên  
từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/12/2016  
của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn*

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông**

**Hội đồng Quản trị**

**Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn, được lập ngày 29/03/2017, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính**

Số dư tại ngày 06/06/2016 và kết quả kinh doanh kỳ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương theo Báo cáo kiểm toán số 02/2016/BCKT-TBD ngày 28/08/2016.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài phần lưu ý nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sóc Sơn tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện  
**CHI NHÁNH MIỀN BẮC**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC**



**BÙI THANH TRANG**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1790-2016-133-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

**TRẦN THU HÀ**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1989-2016-133-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	06/06/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.287.569.917</b>	<b>27.364.597.357</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>2.237.917.124</b>	<b>20.421.940.774</b>
1. Tiền	111		2.237.917.124	20.421.940.774
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.652.368.127</b>	<b>6.487.794.985</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.02</b>	13.305.313.995	5.584.202.310
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	6.600.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.03</b>	4.347.054.132	896.992.175
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>153.957.182</b>	<b>454.852.313</b>
1. Hàng tồn kho	141		153.957.182	454.852.313
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>243.327.484</b>	<b>9.285</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.05</b>	243.327.484	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	9.285
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.950.056.778</b>	<b>23.448.863.027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

Báo cáo tài chính cần được đọc cùng với các thuyết minh kèm theo



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	06/06/2016
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.967.338.806</b>	<b>20.719.380.546</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	21.967.338.806	20.719.380.546
- Nguyên giá	222		34.637.708.105	31.757.708.106
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.670.369.299)	(11.038.327.560)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.982.717.972</b>	<b>2.729.482.481</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	1.982.717.972	2.729.482.481
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>44.237.626.695</b>	<b>50.813.460.384</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>06/06/2016</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>18.899.694.083</b>	<b>25.813.460.384</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.784.834.623</b>	<b>25.063.460.384</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	<b>V.09</b>	7.137.481.013	3.561.744.594
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		450.202	4.575.309
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	<b>V.08</b>	2.934.697.671	708.463.776
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.068.074	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	<b>V.10</b>	5.746.940.404	19.299.847.957
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	<b>V.07</b>	621.425.732	1.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		341.771.527	488.828.748
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.114.859.460</b>	<b>750.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	<b>V.07</b>	2.114.859.460	750.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	06/06/2016
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>25.337.932.612</b>	<b>25.000.000.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>25.337.932.612</b>	<b>25.000.000.000</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		221.663.603	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		94.796.336	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.472.673	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.472.673	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>44.237.626.695</b>	<b>50.813.460.384</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



NGUYỄN THU THỦY

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN NHUNG

Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN VĂN CHÍNH



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 06/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/06/2016 đến 05/06/2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>25.632.635.127</b>	<b>14.740.951.556</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>25.632.635.127</b>	<b>14.740.951.556</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	<b>VI.02</b>	16.333.990.177	11.440.357.327
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>9.298.644.950</b>	<b>3.300.594.229</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>VI.03</b>	8.234.756	55.804.275
7. Chi phí tài chính	22	<b>VI.04</b>	138.832.308	97.367.944
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	<b>VI.05</b>	8.523.415.022	3.059.021.033
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>644.632.376</b>	<b>200.009.527</b>
11. Thu nhập khác	31	<b>VI.06</b>	1.027.273	43.050.000
12. Chi phí khác	32	<b>VI.07</b>	21.707.249	26.450.702
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(20.679.976)</b>	<b>16.599.298</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>623.952.400</b>	<b>216.608.825</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		124.790.480	53.473.096
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>499.161.920</b>	<b>163.135.729</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



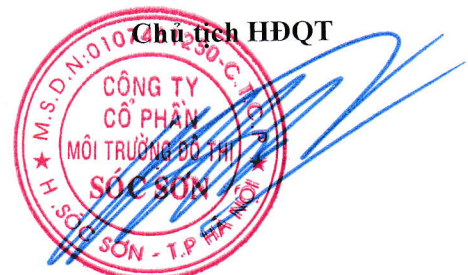
NGUYỄN THU THỦY

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN NHUNG

Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN VĂN CHÍNH



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016  
(phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 06/06/2016 đến 31/12/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20.056.918.797
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(10.959.517.459)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.377.679.996)
- Tiền lãi vay đã trả	04		(99.813.689)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(53.473.096)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		182.529.603
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.927.507.758)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(19.178.543.598)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ các đơn vị khác	23		(19.530.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.530.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.234.756
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>8.234.756</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</b>			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhập vốn góp của chủ sở hữu	31		-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các doanh nghiệp đã phát hành	32		-
- Tiền thu từ đi vay	33		3.111.425.732
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.125.140.540)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</b>	<b>40</b>		<b>986.285.192</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

(phương pháp trực tiếp)

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 06/06/2016 đến 31/12/2016
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(18.184.023.650)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.421.940.774
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	2.237.917.124

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

NGUYỄN THU THỦY

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN NHUNG

Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN VĂN CHÍNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/12/2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn (gọi tắt là: Công ty) có quá trình hình thành và phát triển như sau:

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sóc Sơn tiền thân là Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Sóc Sơn thuộc Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 06/06/2016.

Tên tiếng Anh: SOC SON URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: URENCO SOC SON

Địa chỉ: số 47, tổ 8, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 885 1063/ 885 1184 Fax: (04) 3 885 2517

Vốn điều lệ của Công ty: **25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).**

#### Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thu gom rác thải
- Vệ sinh chung nhà cửa, các công trình khác
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan

Và các ngành nghề kinh doanh khác, theo quy định của Pháp luật.

#### Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 06/06/2016 đến ngày 31/06/2016, Công ty không có biến động đặc biệt gì trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con: Không có
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách phát nhân hạch toán phụ thuộc: Không có

#### Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo so sánh là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016 đã



được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty Cổ phần môi trường đô thị Sóc Sơn từ ngày 06/06/2016 đến 31/12/2016.

Kỳ kế toán năm tiếp theo của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### **3. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí của các công trình dở dang chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 5. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

#### 6. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.



**7. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

**10. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**11. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## **12. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## **13. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ



đồng/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### **14. Doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

#### **17. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### 18.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 18.2. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## 19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	<u>31/12/2016</u>	<u>06/06/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tiền mặt	1.834.902.145	1.824.106.929
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	396.719.506	3.069.156.272
- Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa	6.295.473	15.528.677.573
- Tiền và tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.237.917.124</u></b>	<b><u>20.421.940.774</u></b>



**2. Phải thu của khách hàng**

	<u>31/12/2016</u>		<u>06/06/2016</u>	
	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>
- Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tài nguyên và môi trường Hà Nội	3.955.179.000	-	179.255.315	-
- Ban duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	3.045.446.000	-	52.652.270	-
- Ban quản lý dự án huyện Sóc Sơn	3.856.249.009	-	3.285.123.009	-
- Các đối tượng khác	2.448.439.986	-	2.067.171.716	-
<b>Cộng</b>	<b>13.305.313.995</b>	<b>-</b>	<b>5.584.202.310</b>	<b>-</b>

**3. Các khoản phải thu khác**

	<u>31/12/2016</u>		<u>06/06/2016</u>	
	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	594.681.330	-	594.681.330	-
- Phải thu về cổ phần hóa	3.752.372.802	-	302.310.845	-
<b>Cộng</b>	<b>4.347.054.132</b>	<b>-</b>	<b>896.992.175</b>	<b>-</b>

**4. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2016</u>		<u>06/06/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>	<u>Giá gốc</u> <u>VND</u>	<u>Dự phòng</u> <u>VND</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	138.601.471	-	254.071.650	-
- Công cụ, dụng cụ	15.355.711	-	200.780.663	-
<b>Cộng</b>	<b>153.957.182</b>	<b>-</b>	<b>454.852.313</b>	<b>-</b>

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2016</u> <u>VND</u>	<u>06/06/2016</u> <u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>243.327.484</b>	<b>-</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí dài hạn khác	243.327.484	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.982.717.972</b>	<b>2.729.482.481</b>
- Chi phí trả trước tiền thuê đất	488.114.830	508.452.948
- Chu phí khu đất chân bãi rác Phú Minh	974.318.625	1.003.590.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí dài hạn khác	520.284.517	1.217.439.533
<b>Cộng</b>	<b>2.226.045.456</b>	<b>2.729.482.481</b>

**6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

<u>Khoản mục</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>		<u>Máy móc, thiết bị</u>		<u>Phương tiện vận tải</u>		<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>		<u>Tài sản khác</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>												
<b>Số dư đầu năm</b>	17.387.845.469	430.695.000	13.634.773.637	304.394.000	-	30.000.000	-	-	-	-	31.757.708.106	
- Mua trong kỳ	-	-	2.849.999.999	-	-	-	-	-	-	-	2.879.999.999	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối năm</b>	17.387.845.469	430.695.000	16.484.773.636	304.394.000	-	30.000.000	-	-	-	-	34.637.708.105	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
<b>Số dư đầu năm</b>	5.684.714.654	223.200.567	5.053.569.568	76.842.771	-	-	-	-	-	-	11.038.327.560	
- Khấu hao trong năm	684.357.694	30.507.563	895.615.240	21.561.242	-	-	-	-	-	-	1.632.041.739	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối năm</b>	6.369.072.348	253.708.130	5.949.184.808	98.404.013	-	-	-	-	-	-	12.670.369.299	
<b>Giá trị còn lại</b>												
<b>Tại ngày đầu năm</b>	11.703.130.815	207.494.433	8.581.204.069	227.551.229	-	-	-	-	-	-	20.719.380.546	
<b>Tại ngày cuối năm</b>	11.018.773.121	176.986.870	10.535.588.828	205.989.987	-	30.000.000	-	-	-	-	21.967.338.806	

**7. Vay và nợ thuê tài chính**

	<u>31/12/2016</u>		<u>Giảm trong kỳ</u>		<u>06/06/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>VND</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>621.425.732</b>	<b>621.425.732</b>	<b>1.221.425.732</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn (*)	621.425.732	621.425.732	1.221.425.732	1.600.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>b. Vay trung hạn - 36 tháng</b>	<b>2.114.859.460</b>	<b>-</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>525.140.540</b>	<b>750.000.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long (**)	2.114.859.460	-	1.890.000.000	525.140.540	750.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.736.285.192</b>	<b>621.425.732</b>	<b>3.111.425.732</b>	<b>2.125.140.540</b>	<b>1.750.000.000</b>	<b>-</b>



(\*) Hợp đồng tín dụng số số 3160-LAV-201608716 ngày 28 tháng 10 năm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: Theo chu kỳ SXKD, dịch vụ và khả năng trả nợ của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sóc Sơn nhưng tối đa không quá 03 tháng, chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

(\*\*) Hợp đồng tín dụng số 46/2016-HĐTD/NHCT145-URENCOSS ngày 08 tháng 08 năm 2016 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Thăng Long với số tiền vay 1.890.000.000 đồng;

- Thời hạn cho vay: 36 tháng
- Mục đích vay: Mua xe ô tô chuyên dùng
- Lãi vay tại thời điểm vay là 7,5%/năm
- Tài sản thế chấp:  
Xe ô tô chở rác nhãn hiệu HINO 03 chỗ ngồi, biển số 29C-918.67, số loại FC9JESW/HIEPHOA-ER14, số khung: RNJFC9JESGXX12690, số máy: J05E-TE15691

Màu sơn: Trắng xanh

Năm sản xuất: 2016

Giá trị tài sản thế chấp: 1.350.000.000 đồng.

Các quy định về tài sản thế chấp theo hợp đồng số 23/2016/HĐTC-NHCT145-URENCOSS giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sóc Sơn ký ngày 08/08/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 25/2016/HĐTC-NHCT145-URENCOSS ký tháng 08 năm 2016.

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

<b>a. Phải nộp</b>	<b>06/06/2016</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số thực nộp trong kỳ</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Thuế GTGT	661.337.090	1.727.171.199	143.920.779	2.244.587.510
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.103.478	68.582.751	53.473.096	62.213.133
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.834.358	-	1.834.358
- Thuế tài nguyên (*)	(9.285)	1.251.362	744.991	497.086
- Thuế nhà đất	-	625.542.376	-	625.542.376
- Các loại thuế khác	23.208	3.000.000	3.000.000	23.208
<b>Cộng</b>	<b>708.454.491</b>	<b>2.427.382.046</b>	<b>201.138.866</b>	<b>2.934.697.671</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(\*) Giá trị ghi âm ngày 06/06/2016 được trình bày tại chỉ tiêu thuế và các khoản phải thu Nhà nước trên Bảng cân đối kế toán.

9. Phải trả người bán	31/12/2016		06/06/2016	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>7.137.481.013</b>	<b>7.137.481.013</b>	<b>3.561.744.594</b>	<b>3.561.744.594</b>
- Công ty TNHH thiết kế xây dựng và thương mại Sóc Sơn	1.472.168.528	1.472.168.528	-	-
- Công ty cổ phần dịch vụ cơ khí môi trường Đông Sơn	1.034.402.028	1.034.402.028	299.679.000	299.679.000
- Công ty TNHH đầu tư và phát triển Linh Phương	862.214.650	862.214.650	95.075.750	95.075.750
- Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thăng Long	494.438.142	494.438.142	494.438.142	494.438.142
- Các đối tượng khác	3.274.257.665	3.274.257.665	2.672.551.702	2.672.551.702
<b>Cộng</b>	<b>7.137.481.013</b>	<b>7.137.481.013</b>	<b>3.561.744.594</b>	<b>3.561.744.594</b>

10. Phải trả khác	31/12/2016	06/06/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.746.940.404</b>	<b>19.299.847.957</b>
- Kinh phí công đoàn	200.481.850	-
- Bảo hiểm xã hội	227.806.469	412.839.271
- Bảo hiểm y tế	32.307.561	72.482.032
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.518.656	32.202.902
- Phải trả về cổ phần hóa	3.829.403.654	18.515.029.377
- Cổ tức, lợi nhuận tạm trích	125.000.000	-
- Phải trả kho bạc	1.241.909.158	208.231.819
- Lãi vay phải trả huy động CBCNV	72.513.000	59.062.500
- Các khoản phải trả phải nộp khác	56	56
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.746.940.404</b>	<b>19.299.847.957</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ SỐC SƠN**

Địa chỉ: Số 47, tổ 8, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2016

**11. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	-	-	<b>25.000.000.000</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	-	-	<b>25.000.000.000</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	-	-	<b>25.000.000.000</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	221.663.603	499.161.920	-	<b>499.161.920</b>
- Tăng khác	-	-	-	94.796.336	<b>316.459.939</b>
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	477.689.247	-	<b>477.689.247</b>
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>221.663.603</b>	<b>21.472.673</b>	<b>94.796.336</b>	<b>25.337.932.612</b>

Lợi nhuận sau thuế của kỳ hoạt động từ ngày 06/06/2016 đến 31/12/2016 đang được tạm phân phối vào các quỹ Đầu tư phát triển, khen thưởng phúc lợi, với tỷ lệ lần lượt là 20%-10%, tạm trích chi trả cổ tức (1% vốn điều lệ) là 375.000.000 đồng, chi thù lao hội đồng quản trị là 43.120.000 đồng từ kết quả kinh doanh kỳ hoạt động từ ngày 06/06/2016 đến 31/12/2016. Mức trích và tỷ lệ trích cụ thể sẽ được quyết định thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính*

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia**

	<u>31/12/2016</u>	<u>06/06/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	25.000.000.000	25.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

**c. Cổ phiếu**

	<u>31/12/2016</u>
	<u>VND</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/ cổ phiếu	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.**

	<u>Từ 06/06/2016</u> <u>đến 31/12/2016</u>
	<u>VND</u>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.632.635.127
<b>Cộng</b>	<u>25.632.635.127</u>
<b>2. Giá vốn</b>	
- Giá vốn hàng bán	16.333.990.177
<b>Cộng</b>	<u>16.333.990.177</u>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	
- Lãi tiền gửi	8.234.756
<b>Cộng</b>	<u>8.234.756</u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	
- Chi phí lãi vay	138.832.308
<b>Cộng</b>	<u>138.832.308</u>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	
- Chi phí lương và các khoản trích theo lương	2.441.098.203
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.691.840.370
- Thuế, phí lệ phí	849.529.378
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.423.017.752
- Các khoản chi phí khác	2.117.929.319
<b>Cộng</b>	<u>8.523.415.022</u>



	<u>Từ 06/06/2016</u> <u>đến 31/12/2016</u>
	<u>VND</u>
<b>6. Thu nhập khác</b>	
- Thu từ thanh lý tài sản	1.027.273
<b>Cộng</b>	<u>1.027.273</u>
<b>7. Chi phí khác</b>	
	<u>Từ 06/06/2016</u> <u>đến 31/12/2016</u>
	<u>VND</u>
- Chi phí phạt nộp chậm bảo hiểm	21.707.249
<b>Cộng</b>	<u>21.707.249</u>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	
	<u>Từ 06/06/2016</u> <u>đến 31/12/2016</u>
	<u>VND</u>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	623.952.400
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	623.952.400
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động thông thường	623.952.400
- Lỗ các năm trước chuyển sang	-
- Thu nhập tính thuế	623.952.400
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	124.790.480
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	124.790.480

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.**

<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>	<u>Từ 06/06/2016</u> <u>đến 31/12/2016</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	3.111.425.732
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường;	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi;	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.	-
<b>Cộng</b>	<u><u>3.111.425.732</u></u>

<b>2. Số tiền đi vay thực trả trong kỳ</b>	<u>Từ 06/06/2016</u> <u>đến 31/12/2016</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	2.125.140.540
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường;	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi;	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-
<b>Cộng</b>	<u><u>2.125.140.540</u></u>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

Các công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.237.917.124	-	20.421.940.774	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.652.368.127	-	6.481.194.485	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>19.890.285.251</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>26.903.135.259</u></u>	<u><u>-</u></u>

<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Vay và nợ	2.736.285.192		1.750.000.000	
Phải trả người bán, phải trả khác	12.884.421.417		22.861.592.551	
Chi phí phải trả	2.068.074		-	
<b>Cộng</b>	<b>15.622.774.683</b>	<b>-</b>	<b>24.611.592.551</b>	<b>-</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### **Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### **Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### **Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.237.917.124	-	-	2.237.917.124
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.652.368.127	-	-	17.652.368.127
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.890.285.251</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.890.285.251</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.421.940.774	-	-	20.421.940.774
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.481.194.485	-	-	6.481.194.485
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.903.135.259</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.903.135.259</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	621.425.732	2.114.859.460	-	2.736.285.192
Phải trả người bán, phải trả khác	12.884.421.417	-	-	12.884.421.417
Chi phí phải trả	2.068.074	-	-	2.068.074
<b>Cộng</b>	<b>13.507.915.223</b>	<b>2.114.859.460</b>	<b>-</b>	<b>15.622.774.683</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	1.000.000.000	750.000.000	-	1.750.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.861.592.551	-	-	22.861.592.551
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.861.592.551</b>	<b>750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>24.611.592.551</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc tại ngày 31/12/2016.

## 3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	Đvt	Từ 06/06/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/06/2016 đến 05/06/2016
<b>I. Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>1. Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
1.1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	%	49,66	40,78
1.2. Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	45,86	53,85
<i>2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
2.1. Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	42,72	50,80
2.2. Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	57,28	49,20
<b>II. Khả năng thanh toán</b>			
1. Khả năng thanh toán công nợ ngắn hạn	lần	1,21	1,09
2. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,13	0,81
<b>III. Tỷ suất sinh lời</b>			
1. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	2,43	1,47
2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,95	1,11
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,97	0,65
4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn	%	1,13	0,32

## 4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 05/06/2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SÓC SON

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

NGUYỄN THU THỦY

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN NHUNG

Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN VĂN CHÍNH